

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH N**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HSST
Ngày 28/3/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N- TỈNH N**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích T

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị P

Bà Hoàng Thị Kim P

-Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Đức T, Thư ký Tòa án nhân dân TP N - tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N - tỉnh N tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị P, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2023/HSST ngày 03 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST-HS ngày 13/3/2023 đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh năm 2000. Tại N. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: phố T, phường N, thành phố N, tỉnh N. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 9/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Phạm Văn T (Đã chết) và bà Phạm Thị T. Vợ: Lê Nguyễn Thu P. Con: có một con sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/02/2023 đến ngày 09/02/2023.

Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/02/2023 đến nay. Có mặt.

Người bị hại: Anh Bùi Quang H, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Phố T, phường T, thành phố N, tỉnh N. Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Điền Quang K, sinh năm 1960; bà Bùi Thị H, sinh năm 1961.

Đều trú tại: thôn V, xã P, thành phố N, tỉnh N. Vắng mặt.

2. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1979

Trú tại: Phố T, phường T, thành phố N, tỉnh N. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ 50 phút ngày 02/02/2023, Phạm Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 35B1-245.51 đi từ nhà đến sân bóng Anh Khoa 2 ở phố Đông Sơn, phường Bích Đào, thành phố N, tỉnh N để xem đá bóng. Khi đến nơi, T đi vào trong sân khoảng 5 phút rồi đi ra ngoài. Lúc này T quan sát thấy có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu xanh biển kiểm soát 35B1-789.32 của anh Bùi Quang H sinh năm 2000 để ở trong sân bóng cách cổng ra vào sân bóng khoảng 12 mét, trên xe có cắm chìa khóa. T quan sát xung quanh thấy không có ai trông coi nên đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô trên để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. T đi đến bên cạnh chiếc xe mở khóa rồi điều khiển xe đi đến cửa hàng mua bán xe máy của ông Điền Quang K, sinh năm 1960 ở thôn Vườn Hoa, xã P, thành phố N, tỉnh N để bán chiếc mô tô vừa trộm cắp được. Khi đến nơi, T bán chiếc xe mô tô cho bà Bùi Thị H sinh năm 1961 (là vợ ông K) với giá 5.000.000 đồng. Sau đó T đi nhờ xe của một người đi đường không rõ tên tuổi, địa chỉ quay lại sân bóng Anh Khoa 2 để lấy chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35B1-245.51 của mình rồi điều khiển xe đi về nhà. Số tiền 5.000.000 đồng, T đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi bị mất tài sản anh Bùi Quang H đã đến Công an phường Bích Đào trình báo sự việc. Quá trình truy tìm vật chứng, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N phát hiện thu giữ tại cửa hàng mua bán xe máy của ông Điền Quang K 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu xanh biển kiểm soát 35B1-789.32; 01 căn cước công dân mang tên Phạm Văn T; 01 giấy mua bán xe mô tô biển kiểm soát 35B1-789.32. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N tiến hành triệu tập T lên làm việc, T đã đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐGTS ngày 09/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản UBND thành phố N kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu xanh biển kiểm soát 35B1-789.32 có giá trị 18.000.000 đồng.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu xanh biển kiểm soát 35B1-789.32, quá trình điều tra xác định là của bà Phạm Thị N, sinh năm 1979, trú tại phố Tân Thịnh, phường T, thành phố N (là mẹ của Bùi Quang H). Ngày 02/02/2023 bà N cho anh H mượn để đi đá bóng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã trả lại chiếc xe trên cho bà N. Bà N nhận lại tài sản không có yêu cầu đề nghị gì.

Tại giai đoạn điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 35B1-245.51 do Phạm Văn T điều khiển khi đến sân bóng trước khi phạm tội, quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là của bà Phạm Thị Thoa (mẹ đẻ của T) đã cho bị cáo T mượn để làm phương tiện đi lại. Ngày 25/02/2023 Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho bà Thoa. Bà Thoa đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì. Đối với 01 căn cước công dân mang tên Phạm Văn T do ông Điền Quang K giao nộp. Ngày 25/02/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 tờ giấy mua bán xe mô tô biển kiểm soát 35B1-789.32 được chuyển theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 06/2/2023, bà Phạm Thị Thoa đã bồi thường hộ cho ông Điền Quang K và bà Bùi Thị H số tiền 5.000.000 đồng. Ông K và bà H đã nhận đủ số tiền và không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Tại bản Cáo trạng số 26/CT-VKS ngày 03/3/2023 Viện kiểm sát nhân dân thành phố N đã truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Hội đồng xét xử tuyên bố: bị cáo Phạm Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Phạm Văn T cho Ủy ban nhân dân phường Nam Bình, thành phố N, tỉnh N giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: không đặt ra giải quyết do người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận tài sản và không có yêu cầu gì. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã truy tố, không tranh luận gì với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin hứa không vi phạm nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã T hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã T hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của bị cáo Phạm Văn T là khách quan phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi liên quan đến vụ án, biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, kết luận định giá tài sản, vật chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Phạm Văn T như sau: Vào khoảng 17 giờ 50 phút ngày 02/2/2023 tại sân bóng Anh Khoa ở phố Đông Sơn, phường Bích Đào, thành phố N, tỉnh N, lợi dụng sở hữu của chủ tài sản, không có người trông coi, chìa khóa xe còn đang cắm ở ổ khóa, Phạm Văn T đã lén lút đến chiếm đoạt của anh Bùi Quang H 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu xanh biển

kiểm soát 35B1 – 789.32 rồi mang đi bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Giá trị tài sản chiếc mô tô nói trên đã được Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự kết luận là 18.000.000đồng.

Đối chiếu với quy định của pháp luật, hành vi của Phạm Văn T đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Tội phạm và hình phạt được quy định như sau:

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....
Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được luật Hình sự bảo vệ, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, do vậy bị cáo cần phải chịu hình phạt trước pháp luật. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có;

Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú; bị cáo đã nói với gia đình để gia đình bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi liên quan là khắc phục hậu quả, đã gặp trực tiếp xin lỗi người bị hại và người bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ những phân tích đánh giá trên, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 xử cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách của án treo, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Chính quyền địa phương và gia đình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Như vậy cũng đảm bảo việc cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội đồng thời cũng nhằm giáo dục pháp luật và phòng ngừa chung.

[3].*Về vật chứng và trách nhiệm dân sự*: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu xanh biển kiểm soát 35B1 – 789.32 mà bị cáo Phạm Văn T chiếm đoạt của anh Bùi Quang H là của bà Phạm Thị N (mẹ đẻ anh Bùi Quang H) cho anh H mượn đi xem đá bóng. Tại giai đoạn điều tra, chiếc xe nói trên đã được Công an thành phố N thu hồi trả lại cho bà N. Bà N đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì nữa. Ông Điền Quang K, bà Bùi Thị H là người đã mua chiếc xe bị cáo T đem bán với giá là 5 triệu đồng nhưng không biết là xe trộm cắp mà có nên ông K, bà H không phạm tội. Ông bà đã được gia đình bị cáo T bồi thường thiệt hại số tiền 5.000.000đồng đến nay ông bà không có đề nghị gì nữa. Do vậy về vấn đề dân sự đã được giải quyết xong nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Các vấn đề khác:

Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35B1-245.51 mà bị cáo T điều khiển khi đi đến sân bóng là của bà Phạm Thị T (mẹ đẻ bị cáo), bị cáo mượn của mẹ đẻ làm phương tiện đi lại. Căn cước công dân của bị cáo T là giấy tờ tùy thân của bị cáo. Các tài sản trên không phải là công cụ phương tiện phạm tội nên cơ quan điều tra Công an thành phố N đã trả lại các tài sản nói trên cho chủ sở hữu H là phù hợp với pháp luật.

Đối với người nam thanh niên cho T đi nhờ xe từ nhà anh K về đến sân bóng, T không nhớ rõ đặc điểm tên tuổi địa chỉ của người này nên Hội đồng xét xử không có cơ sở làm rõ.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”.

Xử phạt Phạm Văn T 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Văn T cho Ủy ban nhân dân phường Nam Bình, thành phố N, tỉnh N giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Phạm Văn T có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Nam Bình, thành phố N, tỉnh N trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Phạm Văn T phải nộp 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được T hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N
- VKSND thành phố N
- Công an thành phố N
- Chi cục THA. DS thành phố N
- Thi hành án HS
- Bị cáo
- Người bị hại.
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP
- (TB cho CQ địa phương nơi bị cáo cư trú).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(đã ký)

Nguyễn Thị Bích T

